

Số: 06/2023/QĐST-DS

Triệu Sơn, ngày 16 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 317 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b tiểu mục 1.3 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số X, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế L - Chức danh: Phó Giám đốc Ngân hàng N.- Chi nhánh T

(Theo Quyết định ủy quyền số 2655/QĐ-NHNN-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1976.

Ông Nguyễn Đức X, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về Hợp đồng tín dụng: Ngày 07/5/2019, bà Lê Thị H và Ngân hàng N ký kết Hợp đồng tín dụng số 365509654. Vợ chồng bà H vay Ngân hàng số tiền 150.000.000đ để sử dụng vào mục đích: Tu sửa nhà ở và sản xuất kinh doanh của gia đình, lãi suất 11,5%/ năm, điều chỉnh lãi suất biến động theo từng thời kỳ, tiền lãi trả hàng tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc: Ngày 20/5/2020 trả 50.000.000đ, ngày 20/5/2021 trả 50.000.000đ và ngày 07/5/2022 trả 50.000.000đ. Quá thời hạn trả nợ, vợ chồng bà H, ông X mới trả được số tiền lãi: 47.449.313đ, chưa trả tiền gốc.

- Về Hợp đồng thế chấp: Ngày 03/5/2019, bà Lê Thị H, bà Lê Thị T (Mẹ bà H) và Ngân hàng ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3516180572009, các bên tự nguyện thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng diện tích đất ở 873 m², thửa đất số 826, tờ bản đồ số 8 Bản đồ địa chính xã Xuân Thịnh và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản tiền vay trên.

- Các đương sự thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ, xử lý tài sản thế chấp:

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Đức X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc: 150.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 08/8/2023: 44.148.975đ (*Lãi trong hạn: 25.189.728đ, lãi quá hạn: 18.959.247đ*), tổng cộng: 194.148.975đ (*Một trăm chín mươi tư triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo (Ngày 09/8/2023) đến ngày thanh toán hết số tiền gốc, bà H và ông X có nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp, bà H và ông X không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 873 m², thửa số 826, tờ bản đồ số 8, Bản đồ địa chính xã Xuân Thịnh và tài sản gắn liền với đất (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 214914 do UBND huyện T cấp ngày 07/9/2015; số vào sổ CH 002591- số 2664/QĐ-UBND chủ sử dụng đất là bà Lê Thị T*), địa chỉ nhà đất: Thôn P, xã X, huyện T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Các đương sự thỏa thuận, bà H và ông X chịu trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 4.854.000đ (*Bốn triệu tám trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.673.000đ (*Bốn triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2022/ 0000057 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- VKSND Triệu Sơn;
- CCTHADS Triệu Sơn;
- TA tỉnh;
- Lưu HS.

Lê Thị Thu